TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T NGUYÊN** **TỈNH T NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
" V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T NGUYÊN - TỈNH T NGUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Đức Tươi và bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đức Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T Nguyên*:** Không tham gia.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 682/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1976 (*Có mặt*)
HKTT:Tổ 04, phường Thịnh Đán, TP. T Nguyên, tỉnh T Nguyên.
Nơi ở: Xóm Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên.
Bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1969 (*Vắng mặt*)
HKTT: Tổ 04, phường Thịnh Đán, TP. T Nguyên, tỉnh T Nguyên.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà kết hôn với ông Phạm Hồng T năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thịnh Đán, thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đôi bên không còn thông cảm, không có Tg nói chung nên mâu thuẫn càng trầm trọng và sống ly thân nhau từ năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T, yêu cầu ông T đến Tòa án để giải quyết tranh chấp ly hôn giữa bà T và ông T. Ông T đã được thông báo, được đọc các văn bản tố tụng trên, nhưng ông T từ chối nhận các văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên họp và phiên hòa giải không có lý do. Do vắng mặt tại phiên họp và phiên hòa giải nên ông T không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy Tòa án lập biên bản không hòa giải được để làm căn cứ giải quyết vụ án. Do các đương sự đã không cùng nhau hòa giải và thỏa thuận được với các nội dung để giải quyết vụ án. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã T hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa xét xử và ấn định thời gian mở lại phiên tòa cho bà T và ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông T. Về con chung: Không có, Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên không có ý kiến của ông T. Tòa án T hành xét xử vắng mặt đối với ông T theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử T hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt và đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ, khoản 2 Điều 227, xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T Nguyên.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho bà T và ông T theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông T quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên

tòa, tuy nhiên ông T vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông T.

[**2**]. Về nội dung: Bà Trần Thị T và Phạm Hồng T kết hôn năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thịnh Đán, thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo bà T trình bày, vợ chồng chỉ hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ lẫn nhau, vợ chồng đã không còn cảm thông chia sẻ được với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2024 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay bà T vẫn giữ nguyên quan điểm, dứt khoát yêu cầu được ly hôn với ông T, xác định không còn tình cảm. Hội đồng xét xử thấy: Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, nay bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông T, ông T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử nên không lấy được ý kiến của ông T. Nhận thấy do mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, có duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T là phù hợp với thực tế và Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình.

[**3**]**.** Về con chung: Không có

[**4**]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, ông T vắng mặt nên không có ý kiến đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì khởi kiện bằng vụ án khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[**5**]. Về án phí**:** Bà T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử*:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc khởi kiện Ly hôn.

1. Quan hệ hôn nhân**:** Cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003433 ngày 08/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo**:** Bà T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP T NGUYÊN **TỈNH T NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

T Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán, chủ toạ phiên toà:*Bà Nguyễn Thị Thu Hà

** Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã T hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.
Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên.
Bị đơn: Anh Dương Anh Dũng, sinh năm 1975.
Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với anh Dương Anh Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức Anh, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dũng được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**